

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Ngọc Thành
- Bà Nguyễn Thị Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37 ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đỗ Thanh S, sinh năm 1979 (vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- **Người làm chứng:** Ông Đỗ Như T, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Anh S và chị P kết hôn vào ngày 14/11/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã A), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị P không tu chí làm ăn. Gia đình, bạn bè hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị P nên anh xin ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Đỗ Đại D sinh ngày 16/2/2008 và Đỗ Tuấn K sinh ngày 18/3/2012. Khi vợ chồng ly hôn, anh xin nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày về việc đăng ký kết hôn, tên tuổi con chung như anh S đã trình bày nêu trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc khoảng 7-8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng tính cách, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không thể dung hoà. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ khoảng năm 2016-2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy đến nay chị không còn tình cảm gì với chị P nhưng chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cho con cái đỡ khổ. Về con chung, nếu phải ly hôn, Tòa án giao cho chị hoặc anh S nuôi con đều được, nhưng ai nuôi con thì phải nuôi cả hai con, chị không muốn các con phải tách nhau mỗi người ở một nơi. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ chung.

* Cháu Đỗ Đại D và cháu Đỗ Tuấn K là con chung của anh S, chị P đều có ý kiến xin được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

* Lời khai của người làm chứng là ông Đỗ Như T (bố đẻ anh S) cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh S, chị P nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Ngoài ra, ông T còn đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh S nuôi dưỡng để tránh làm xáo trộn cuộc sống, việc học tập của các cháu; gia đình ông sẽ tạo điều kiện để bố con anh S có chỗ ở ổn định, lâu dài, đồng thời luôn hỗ trợ anh S trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử anh S ly hôn với chị P. Về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Đại D sinh ngày 16/2/2008 và Đỗ Tuấn K sinh ngày 18/3/2012 cho anh S nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh S, chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã A), huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh S và đề nghị xin được đoàn tụ của chị P, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh S, chị P có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng tính cách, lối sống, không cùng chung chí hướng nên thường xuyên xô xát, cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S kiên quyết xin ly hôn với chị P, chị P cũng xác định không còn tình cảm gì với anh S. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử anh S ly hôn với chị P là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng anh S, chị P có 02 con chung là Đỗ Đại D sinh ngày 16/2/2008 và Đỗ Tuấn K sinh ngày 18/3/2012. HĐXX thấy: Hiện hai con chung đang ở với anh S và đều có nguyện vọng xin ở với anh S. Anh S xin nuôi cả hai con chung, chị P không phản đối. Mặt khác, anh S có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và nhận được sự hậu thuẫn từ gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dạy các con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của anh S, giao cả hai con chung cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật cũng như ý chí của các bên đương sự. Anh S tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Đỗ Thanh S ly hôn với chị Nguyễn Thi P.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đỗ Đại D, sinh ngày 16/2/2008 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/3/2012 cho anh Đỗ Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của anh S không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000901 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; anh S đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã An Phượng, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung